TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/DS-ST
Ngày 29/7/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Thết, bà Phạm Thị Thuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đà Nẵng, mở phiên tòa để xét xử bằng hình thức trực tuyến vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 08/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1003/2026/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1003/2026/QĐST-DS ngày 30/6/2026. Phiên tòa được kết nối giữa các điểm cầu bao gồm:

Điểm cầu trung tâm: Tại phòng xử án trực tuyến Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đà Nẵng. Địa chỉ: 168 đường Hồ Chí Minh, xã Đông Giang, thành phố Đà Nẵng.

Điểm cầu thành phần: Tại phòng họp trực tuyến Ngân hàng A Chi nhánh T. Địa chỉ: Đường số A, xã T, thành phố Đà Nẵng.

Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N1.

Địa chỉ: Số B L, phường G, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Đức S - Giám đốc Chi nhánh T.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Thanh S1 - Phó Giám đốc phụ trách tín dụng A Chi nhánh T, có mặt.

Địa chỉ trụ sở: Đường số A, xã T, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông ALăng V1, sinh năm 1990, có mặt.

Địa chỉ: Thôn G, xã H, thành phố Đà Nẵng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Zơ Râm N - Trợ giúp viên Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 02 tại xã Đ - thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 02 thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Alăng R, sinh năm 1969, có mặt. bà Alăng Thị B, sinh năm 1970, vắng mặt. Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Đ, thành phố Đà Nẵng.

Cháu Alăng Y V2, sinh năm 2015; cháu Alăng Thị Y V3, sinh năm 2020.

- Người đại diện theo pháp luật của cháu V2, V3 là ông ALăng V1 - Bố ruột, có

mặt. Cùng địa chỉ: Thôn G, xã H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Ngày 18/9/2023 bà ALăng Rích ký kết hợp đồng tín dụng số 4217-LAV-202301047 với Ngân hàng N1 (A) - Chi nhánh huyện T (nay là Chi nhánh T) để vay số tiền 280.000.000 đồng với mục đích mua sắm vật dụng sinh hoạt. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 18/9/2023. Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 18/9/2028. Hợp đồng vay không có tài sản bảo đảm. Lãi suất 11%/năm, lãi quá hạn 150%/năm, lãi chậm trả 10%/năm. Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên, bà R1 đã nhận đủ số tiền vay và sử dụng đúng mục đích. Sau khi vay bà R1 đã trả nợ theo đúng hợp đồng. Ngày 01/9/2024 bà R1 chết và còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 206.678.410 đồng và lãi phát sinh. Ông ALăng V1 là chồng bà R1 biết khoản vay của vợ nhưng khi vợ chết ông không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc cũng như nợ lãi cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông V1 để cơ cấu lại nợ nhưng không có kết quả. Ông V1 cũng đã nhận số tiền 158.383.154 đồng mà Bảo hiểm xã hội Q chi trả cho bà R1 vào ngày 13/11/2024 nhưng tiêu xài cá nhân hết mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu Tòa án buộc ông V1 trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 206.687.410 đồng; nợ lãi trong hạn tính đến ngày 29/7/2026 là 36.440.000 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày 29/7/2026 là 3.120.705 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 30/7/2026 theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ gốc và nợ lãi.

- *Bị đơn ông* ALăng V1 *trình bày*: Ông biết vợ ông là bà ALăng Rích (đã chết) có ký hợp đồng để vay tiền của Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện T để sử dụng vào mục đích mua sắm đồ dùng sinh hoạt nhưng vay số tiền bao nhiêu thì ông không biết. Sau khi vay xong khoảng 01 năm thì vợ ông chết và Ngân hàng có làm việc để cơ cấu lại nợ thì ông biết vợ ông còn nợ hơn 200.000.000 đồng. Còn số tiền hơn 158.000.000 đồng mà Bảo hiểm xã hội Q chi trả cho bà R1 thì ông nhận và đã tiêu dùng cá nhân hết. Nay Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu ông trả thì ông thừa nhận khoản nợ, đồng ý trả nhưng không có tiền để trả.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông* Zơ Râm N *trình bày*: Ông thống nhất với phần trình bảy của ông V1 và đề nghị ông V1 thực hiện nghĩa vụ liên đới của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông ALăng R trình bày: Việc con gái ông là bà R1 nay đã chết và chồng là anh V1 có vay tiền của Ngân hàng thì ông và vợ là bà ALăng Thị B không biết. Việc Ngân hàng khởi kiện ông V1 thì vợ chồng ông không có liên quan nên không có ý kiến gì.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà ALăng Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên họp, hòa giải và phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, của nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghĩ để nghị án là đúng pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải, phiên tòa nên đã vi phạm pháp

luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1, buộc ông Alăng V1 phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 4217-LAV-202301047, ngày 18/9/2023 với số tiền nợ gốc nợ gốc là 206.687.410 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 29/7/2026 là 36.440.000 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày 29/7/2026 là 3.120.705 đồng và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ gốc và nợ lãi. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông V1 theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo hợp đồng tín dụng số 4217-LAV-202301047 được ký ngày 18/9/2023 và giải ngân số tiền 280.000.000 đồng cùng ngày giữa A Chi nhánh huyện T với bà Alăng R1. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 18/9/2023. Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên, bà R1 đã sử dụng tiền vay đúng mục đích và trả nợ theo đúng hợp đồng. Ngày 01/9/2024 bà R1 chết và còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 206.678.410 đồng và lãi phát sinh. Ông Alăng V1 là chồng bà R1 biết khoản vay của vợ. Sau khi vợ chết Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông V1 để thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ hoặc cơ cấu lại nợ nhưng không có kết quả. Do đó, Ngân hàng đã khởi kiện ông ALăng V1 có địa chỉ tại thôn G, xã H, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đà Nẵng theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Alăng Thị B vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Ngày 18/9/2023 bà ALăng Rích ký kết hợp đồng tín dụng số 4217-LAV-202301047 với Ngân hàng N1 (A) - Chi nhánh huyện T để vay số tiền 280.000.000 đồng với mục đích mua sắm vật dụng sinh hoạt. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 18/9/2023. Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 18/9/2028. Hợp đồng vay không có tài sản bảo đảm. Lãi suất 11%/năm, lãi quá hạn 150%/năm, lãi chậm trả 10%/năm. Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên, bà R1 đã sử dụng tiền vay đúng mục đích và trả nợ theo đúng hợp đồng. Xét hình thức, nội dung, quá trình thực hiện hợp đồng vay giữa hai bên theo quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Các tổ chức tín dụng. Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định Hợp đồng số 4217-LAV-202301047 ngày 18/9/2023 được ký giữa các bên đảm bảo các điều có hiệu lực pháp luật của hợp đồng vay tài sản.

Ngày 01/9/2024 bà R1 chết và còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 206.678.410 đồng và lãi phát sinh. Ngân hàng đã làm việc với ông Alăng V1 là chồng bà R1 để thực hiện hợp đồng nhưng ông V1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Ngân hàng đã khởi kiện và yêu cầu Tòa án buộc ông ALăng V1 số tiền nợ gốc là 206.678.410 đồng và lãi phát sinh. Bà R1 vay với mục đích mua sắm vật dụng sinh hoạt nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, ông V1 là chồng bà R1 biết việc vay tiền trên nên phải chịu trách nhiệm liên đới của vợ chồng tương ứng với ½ nghĩa vụ phải thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng là 103.339.205 đồng (206.678.410 : 2 = 103.339.205đ) và ½ nợ lãi phát sinh. Hơn nữa, sau khi bà R1 chết, Bảo hiểm xã hội Q chi trả bảo hiểm xã hội một lần cho bà R1 với số tiền

158.383.154 đồng. Ông V1 là người nhận số tiền này nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc, nợ lãi cho bà R1 mà tiêu xài cá nhân hết. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông V1 trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 29/7/2026 là 246.248.115 đồng. (Trong đó nợ gốc là 206.687.410 đồng; nợ lãi trong hạn 36.440.000 đồng; nợ lãi quá hạn 3.120.705 đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 30/7/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc và nợ lãi.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bị đơn là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Đà Nẵng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 264; Điều 266; Điều 267, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 288, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1 đối với ông ALăng V1 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Buộc ông ALăng V1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N1 số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 4217-LAV-202301047 ngày 18/9/2023 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/7/2026) tổng cộng là 246.248.115 đồng (*Hai trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn một trăm mười lăm đồng*). Trong đó: nợ gốc 206.687.410 đồng; nợ lãi trong hạn 36.440.000 đồng; nợ lãi quá hạn 3.120.705 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay kể từ ngày 30/7/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc và nợ lãi.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông ALăng V1.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N1 là 5.660.000 đồng (*năm triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng)* mà Ngân hàng đã nộp theo Biên lai thu số 0006299 ngày 29 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 12 – Đà Nẵng ;
- Phòng THADS khu vực 12 - Đà Nãng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

TAND KHU VỰC 12

MDE290726.TL.QDBA
78

Nguyễn Hữu Thức